TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 11** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2025/DS-ST
Ngày: 04/7/2025
V/v "Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Ông Phạm Hoàng Nam**

Các Hội thẩm nhân dân: **Bà Nguyễn Thị Kim Anh**

Ông Nguyễn Anh Đức

- Thư ký phiên tòa: **Bà Đoàn Thị Phương Thảo** - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 11 tham gia phiên tòa: **Ông Nguyễn Văn Cường** - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 11 - Thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 21/2025/TLST-DS ngày 19 tháng 02 năm 2025 về việc "Tranh chấp về hợp đồng tín dụng", giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Ngân hàng thương mại cổ phần SGTT (Gọi tắt là: Ngân hàng Sacombank).**

Trụ sở: số 266 - 268 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường XH, thành phố Hồ Chí Minh. Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch Diễm - Tổng Giám đốc. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Ngọc Tuấn – Giám đốc Công ty TNHH MTV Quản lý nợ và khai thác tài sản ngân hàng Sài Gòn Thương. Người nhận uỷ quyền lại: Ông Nguyễn Thanh Hải – Nhân viên công ty tham gia tố tụng tại toà, theo Giấy ủy quyền số 4521/2023/GUQ-PL ngày 14/12/2023. *Xin vắng mặt tại phiên tòa.*

2. Bị đơn: **Anh Nguyễn TA** - sinh năm 1986

Trú tại: Đội 4, thôn Tả Thanh Oai, xã DT, thành phố Hà Nội.

(Địa chỉ trước sáp nhập: Đội 4, xã Tả Thanh Oai, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội)

Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn là **Ngân hàng thương mại cổ phần SGTT** trình bày:

Ngày 25/12/2016, anh Nguyễn TA ký với Ngân hàng thương mại cổ phần SGTT hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và Bản điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Căn cứ thu nhập của anh TA, Ngân hàng đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 15.000.000 (Mười lăm triệu) đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp thẻ, anh TA đã nhiều lần thực hiện các giao dịch và cũng đã thanh toán trong các kỳ sao kê như đã cam kết. Tuy nhiên đến kỳ sao kê ngày 31/12/2016, anh TA đã thực hiện số tiền giao dịch trong kỳ sao kê và còn nợ Ngân hàng số tiền là 16.330.495 đồng. Từ thời điểm đó, anh TA không thanh toán thêm cho Ngân hàng bất cứ khoản tiền nào. Sau nhiều lần nhắc nhở nhưng anh Hải vẫn vi phạm, ngày 01/3/2017, Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sau nợ quá hạn. Nay Ngân hàng yêu cầu Tòa án buộc anh TA phải thanh toán số tiền còn thiếu theo như thỏa thuận tín dụng, gồm: dư nợ thẻ và lãi quá hạn. Trong đó, dư nợ thẻ (cũng là dư nợ gốc) là tổng của các khoản tiền: số tiền khách hàng giao dịch chưa thanh toán 22.796.336đ, lãi trong hạn 2.499.064đ, phí trễ hạn 1.115.268đ, phí vượt hạn mức 500.000đ, phí thường niên (đã trả trước đó); Lãi quá hạn được tính trên dự nợ thẻ còn lại của khách hàng với lãi suất 150% lãi suất trong hạn từ thời điểm khoản nợ bị chuyển sang quá hạn (01/3/2017) đến khi thanh toán xong khoản nợ; lãi suất trong hạn Ngân hàng áp dụng mức lãi suất 2,15%/tháng từ thời điểm anh TA vi phạm nghĩa vụ đến khi xét xử sơ thẩm (đây là mức lãi suất thấp hơn mức lãi suất hiện nay Ngân hàng đang áp dụng). Cụ thể: Ngân hàng yêu cầu Tòa án buộc anh TA trả tổng số tiền tạm tính đến ngày 04/7/2025 là: nợ gốc: 17.644.685 đồng; Lãi quá hạn: 57.814.464 đồng; Tổng cộng: 75.459.149 đồng và có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 04/7/2025 cho đến khi trả hết nợ.

Bị đơn là anh Nguyễn TA: Anh TA có địa chỉ cư trú tại: Đội 4, xã Tả Thanh Oai, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội. (Sau sáp nhập là: Đội 4, xã DT, thành phố Hà Nội), tại Giấy cung cấp thẻ tín dụng, anh TA cũng cung cấp địa chỉ cư trú như trên, ngoài ra không cung cấp địa chỉ nào khác. Tòa án đã tiến hành các thủ tục tống đạt, niêm yết công khai hợp lệ các văn bản tố tụng gồm: Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo triệu tập đương sự, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn

phiên tòa. Tuy nhiên, anh TA không có mặt theo thông báo triệu tập của Tòa án để làm bản tự khai, không gửi văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu của Ngân hàng, không cung cấp, giao nộp tài liệu, chứng cứ, không chứng minh để tự bảo vệ hoặc nhờ người khác bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình, không đưa ra yêu cầu phản tố, không tham gia phiên họp, phiên hòa giải, phiên tòa. Do anh TA không thực hiện nghĩa vụ của đương sự, nên phải chịu hậu quả do Bộ luật Tố tụng dân sự quy định, Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ mà Ngân hàng đã giao nộp và Tòa án đã thu thập theo quy định tại Điều 97 của Bộ luật Tố tụng dân sự để giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa:

Ngân hàng thương mại cổ phần SGTT có đơn xin vắng mặt. giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và giữ nguyên quan điểm như đã trình bày.

Anh TA vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 11 – Thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Thư ký Tòa án thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự tại phiên tòa. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải thanh toán toàn bộ số tiền gốc cho nguyên đơn và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng các bên đã ký kết. Buộc ông TA phải trả cho Ngân hàng số tiền tính đến ngày 04/7/2025 là: nợ gốc: 17.644.685 đồng; Lãi quá hạn: 57.814.464 đồng; Tổng cộng: 75.459.149 đồng. Ngoài ra đề nghị Hội đồng xét xử quyết định về án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng (áp dụng cho khách hàng cá nhân) (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và Bản điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng) ngày 25/02/2016 do anh TA ký và nộp cho Ngân hàng TMCP SGTT, anh TA khai có nơi cư trú là: Đội 4, thôn Tả Thanh Oai, xã DT, thành phố Hà Nội (Sau sáp nhập là: Đội 4, xã DT, thành phố Hà Nội). Căn cứ Khoản 3 Điều 26; Khoản 1 Điều 35 và điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền của Toà án nhân dân huyện Thanh Trì, nay là Tòa án nhân dân Khu vực 11 – thành phố Hà Nội.

Ngân hàng TMCP SGTT khởi kiện vụ án dân sự tranh chấp về hợp đồng tín dụng đối với anh Nguyễn TA, có địa chỉ cư trú là: Đội 4, thôn Tả Thanh Oai, xã DT, thành phố Hà Nội (Sau sáp nhập là: Đội 4, xã DT, thành phố Hà Nội). Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đây là vụ án dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Thanh Trì, nay là Tòa án nhân dân Khu vực 11 – thành phố Hà Nội.

[2] Về thủ tục tố tụng: Đối với việc xét xử trong trường hợp bị đơn vắng mặt tại phiên tòa: Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai, anh Nguyễn TA là bị đơn không có yêu cầu phản tố vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, mà không có người đại diện tham gia phiên tòa. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh Tuấn.

Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ, niêm yết các văn bản tố tụng của Tòa án: Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập, Thông báo đến Tòa án để lấy lời khai, Thông báo phiên họp công khai tiếp cận chứng cứ và hòa giải, Kết quả phiên họp công khai chứng cứ, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên họp,... đối với bị đơn là anh Nguyễn TA tại địa điểm: nơi cư trú là đã thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật theo thủ tục chung.

[3] Về nội dung và hiệu lực hợp đồng tín dụng: Ngày 25/02/2016, anh Nguyễn TA ký Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và Bản điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng); Ngân hàng TMCP SGTT chấp thuận đề nghị và phê duyệt cấp thẻ tín dụng hạn mức là 15.000.000 đồng. Xét việc hai bên xác lập hợp đồng tín dụng có nội dung nêu trên là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định tại khoản 14, 16 Điều 4, khoản 2 Điều 91, điểm d khoản 3 Điều 98 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010, Thông tư số 19/2016/TT-NHNN ngày 30/6/2016 của Ngân hàng Nhà nước quy định về hoạt động thẻ ngân hàng (được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Thông tư số 30/2016/TT-NHNN ngày 14/10/2016), nên hợp đồng tín dụng có hiệu lực từ thời điểm giao kết và các bên phải thực hiện quyền, nghĩa vụ đối với nhau theo đúng cam kết.

[4] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Ngân hàng TMCP SGTT cấp thẻ tín dụng cho ông Nguyễn TA căn cứ theo: Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng (áp dụng cho chủ thẻ là khách hàng cá nhân) ngày 25/02/2016 (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và Bản điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Các văn bản tín dụng trên đều được các bên ký kết tự nguyện, những người tham gia ký kết có

đầy đủ năng lực hành vi dân sự, đúng thẩm quyền, nội dung không trái pháp luật và đạo đức xã hội, hình thức của hợp đồng, giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng và các văn bản tín dụng khác phù hợp với quy định của pháp luật nên có giá trị pháp lý và có hiệu lực thi hành đối với các bên.

Quá trình thực hiện hợp đồng, ông TA đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Ngày 31/3/2017, Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn và khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng là đúng theo thỏa thuận của các bên đã ký. Ngân hàng yêu cầu ông TA trả nợ gồm nợ gốc và lãi là phù hợp với các Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Về nợ gốc: Ngày 25/02/2016, ông TA có ký kết Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng với Ngận hàng số tiền là 15.000.000 đồng, sau khi được cấp thẻ, ông TA đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 35.241.609 đồng. Quá trình sử dụng thẻ từ ngày kích hoạt đến nay ông TA đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 22.796.336 đồng cả gốc và lãi. Ngân hàng đã áp dụng thứ tự thanh toán theo Điều 20 của bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng, kể từ ngày chuyển nợ quá hạn sẽ thanh toán theo thứ tự gốc trước, và một phần trả lãi sau. Việc Nguyên đơn tự nguyện khấu trừ như trên có lợi hơn cho Bị đơn nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Về lãi trong hạn, lãi phát chậm trả, lãi quá hạn và các loại phí:

+ Về mức lãi suất trong hạn áp dụng: Theo điểm 25.2 Điều 25 Điều khoản sử dụng thẻ: "Sacombank có quyền sửa đổi mức lãi suất trong từng thời kỳ theo quyết định của mình mà không cần thông báo trước cho Chủ thẻ". Từ khoảng năm 2020, mức lãi suất trong hạn Sacombank áp dụng trung bình khoảng 2,5 – 2,6%/ tháng. Tuy nhiên, tại Bản tự khai ngày 19/02/2025 và tại phiên tòa, Nguyên đơn tự nguyện chỉ áp dụng mức lãi suất 2,15%/tháng đối với Bị đơn tính từ lúc vi phạm nghĩa vụ đến thời điểm xét xử sơ thẩm (đây là mức lãi suất Ngân hàng áp dụng tại thời điểm khoản nợ của anh Hải vi phạm nghĩa vụ). Việc Nguyên đơn áp dụng mức lãi suất 2,15%/tháng là có lợi cho Bị đơn nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

+ Về xác định lãi trong hạn, lãi quá hạn: Ngân hàng đã áp dụng quy định của pháp luật và căn cứ theo bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng đã ký kết giữa các bên để tính mức lãi và các loại phí là phù hợp với quy định của pháp luật, phù hợp với Hợp đồng tín dụng đã ký nên được chấp nhận.

Như vậy, tính đến ngày 04/7/2025 bị đơn đã giao dịch nhưng chưa thanh toán cho Ngân hàng bao gồm: Nợ gốc: 17.644.685 đồng, Lãi quá hạn: 57.814.464 đồng; Tổng cộng: 75.459.149 đồng.

Buộc ông Nguyễn TA phải thanh toán cho Ngân hàng toàn bộ nợ gốc, nợ lãi cho Ngân hàng số tiền tính ngày 04/7/2025 gồm: Nợ gốc: 17.644.685 đồng, Lãi quá hạn: 57.814.464 đồng; Tổng cộng: 75.459.149 đồng

Kể từ ngày 04/7/2025, ông Nguyễn TA còn phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh trên số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất quy định tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng (áp dụng cho chủ thẻ là khách hàng cá nhân) ngày 25/02/2016 (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và Bản điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng) cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

[5] Về án phí: Do yêu cầu của Ngân hàng TMCP SGTT được chấp nhận nên ông TA phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật là: 5% x 75.459.149 đồng = **3.772.957** đồng.

Trả lại Ngân hàng TMCP SGTT số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[6] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Các Điều 119, 429, 463, 466, 468, 470 Bộ luật Dân sự năm 2015;
- Các Điều 26, 35, 39, 147, 227, 228, 271, 273 Bộ Luật Tố tụng dân sự;
- Điều 90, 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP SGTT.

Buộc ông Nguyễn TA phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP SGTT toàn bộ khoản nợ tạm tính đến ngày 04/7/2025 theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng (áp dụng cho chủ thẻ là khách hàng cá nhân) ngày 25/02/2016 (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và Bản điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng) là**:** nợ gốc: 17.644.685 đồng; Lãi quá hạn: 57.814.464 đồng; Tổng cộng: 75.459.149 đồng.

2. Kể từ ngày 04/7/2025, ông Nguyễn TA vẫn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi phát sinh của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng (áp dụng cho chủ thẻ là khách hàng cá nhân) ngày 25/02/2016 (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và Bản điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng) cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về án phí:

- Ông Nguyễn TA phải nộp **3.772.957** đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

- Hoàn trả Ngân hàng TMCP SGTT số tiền 1.617.000 đồng đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 56545 ngày 14/02/2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Trì. (Nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 11 – Hà Nội)

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo luật định.

Nơi nhận:
- TAND TP. Hà Nội;
- VKSND TP. Hà Nội;
- VKSND khu vực 11 – Hà Nội;
- Phòng Thi hành án dân sự khu vực 11 – Hà Nội;
- Các bên đương sự;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Phạm Hoàng Nam